TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH TIỀN GIANG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 38/2019/DS-PT
Ngày: 18- 02 -2019
V/v tranh chấp: "Di sản thừa kế".

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH TIỀN GIANG

***- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có*:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông **Trần Văn Đạt**

Các Thẩm phán: Ông Huỳnh Hiếu

Bà Trần Thị Thu Hằng

***- Thư ký phiên tòa*:** Bà **Nguyễn Thị Thúy Phương** - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Tiền Giang tham gia phiên tòa Ông **Võ Trung Hiếu** - Kiểm sát viên**.**

Trong các ngày 14 và ngày 18 tháng 02 năm 2019 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 266/2018/TLPT-DS ngày 03 tháng 12 năm 2018 về tranh chấp "Di sản thừa kế".

Do Bản án dân sự sơ thẩm số 200/2018/DS-ST ngày 09 tháng 8 năm 2018 của Toà án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Tiền Giang bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 354/2018/QĐ-PT ngày 03 tháng 12 năm 2018 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: **Nguyễn Thị H**, sinh năm 1967

Địa chỉ: ấp Giáp N, xã Phước T, thành phố Mỹ T, tỉnh Tiền Giang.

Người đại diện theo ủy quyền: **Hồ Thị Mỹ H**, sinh năm 1985 (có mặt).

Địa chỉ: Ấp Bình T, xã Trung A, thành phố Mỹ T, tỉnh Tiền Giang.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn:

Luật sư Võ Tuấn Vĩnh T, Cty luật TNHH MTV Vĩnh T (có mặt)

- *Bị đơn:* **Nguyễn Văn M**, sinh năm 1965 (có mặt).

Địa chỉ: Ấp Bình T, xã Bình Tr, huyện Châu T, tỉnh Tiền Giang.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1/ **Nguyễn Thị L**, sinh năm 1946

Địa chỉ: Ấp Bình T, xã Bình Tr, huyện Châu T, tỉnh Tiền Giang.

Người đại diện theo ủy quyền: Anh Huỳnh Văn H, sinh năm 1981 (có mặt). Địa chỉ: Ấp Bình T, xã Bình Tr, huyện Châu T, tỉnh Tiền Giang.

2/ **Nguyễn Thị Đ**, sinh năm 1951

Địa chỉ: Ấp Bình T, xã Bình Tr, huyện Châu T, tỉnh Tiền Giang.

Người đại diện theo ủy quyền: **Nguyễn Thanh T**, sinh năm 1984 (có mặt).

Địa chỉ: Ấp Bình Th, xã Bình Tr, huyện Châu T, tỉnh Tiền Giang.

3/ **Nguyễn Thị T**, sinh năm 1969

Địa chỉ: ấp Giáp N, xã Phước T, thành phố Mỹ T, tỉnh Tiền Giang.

Người đại diện theo ủy quyền: **Hồ Thị Mỹ H**, sinh năm 1985(có mặt).

Địa chỉ: Ấp Bình T, xã Trung A, thành phố Mỹ T, tỉnh Tiền Giang.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bà Thuận:

Luật sư Võ Tuấn Vĩnh T, Cty luật TNHH MTV Vĩnh T(có mặt).

4/ **Nguyễn Văn H**, sinh năm 1961.

Địa chỉ: Ấp Long B, xã Long A, huyện Châu T, tỉnh Tiền Giang.

- Đại diện theo ủy quyền: **Hồ Thị Mỹ H**, sinh năm 1985(có mặt).

Địa chỉ: Ấp Bình T, xã Trung A, thành phố Mỹ T, tỉnh Tiền Giang.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn:

Luật sư Võ Tuấn Vĩnh T, Cty luật TNHH MTV Vĩnh T(có mặt).

5/ **Nguyễn Văn Đ**, sinh năm 1945(có mặt).

Địa chỉ: phường Hưng L, quận Ninh K, thành phố Cần Thơ.

6/ **Nguyễn Văn D**, sinh năm 1953 (có mặt).

Địa chỉ: Ấp Vĩnh T, xã Vĩnh K, huyện Châu T, Tiền Giang.

7/ **Nguyễn Văn T**, sinh năm 1959 (có mặt).

Địa chỉ: Ấp C, Thị trấn Tân H, huyện Châu T, Tiền Giang.

8/ **Nguyễn Thị H**, sinh năm 1963(Xin vắng mặt).

Địa chỉ: Ấp Phước H, xã Phước T, thành phố Mỹ T, tỉnh Tiền Giang.

9/ **Nguyễn Thanh T**, sinh năm 1981(Xin vắng mặt).

Địa chỉ: Ấp Bình T, xã Bình Tr, huyện Châu Thành, tỉnh TIền Giang.

10. **Đinh Thị Yến N**, sinh năm 1984(Xin vắng mặt).

Địa chỉ: Ấp Bình T, xã Bình Tr, huyện Châu T, TIền Giang.

11. **Đỗ Thị B**, sinh năm 1964 (Xin vắng mặt).

Địa chỉ: Ấp Bình T, xã Bình Tr, huyện Châu T, TIền Giang.

- *Người kháng cáo:* Nguyên đơn Nguyễn Thị H, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Nguyễn Thị L, Nguyễn Thị Đ, Nguyễn Văn H, Nguyễn Thị T.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo án sơ thẩm, đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn bà Nguyễn Thị H là chị Hồ Thị Mỹ H trình bày: Cha bà H là ông Nguyễn Văn M (chết năm 1989), mẹ là bà Lê Thị T (chết năm 2007). Hàng thừa kế thứ nhất gồm:

- Nguyễn Văn Đ,
- Nguyễn Thị L,
- Nguyễn Văn D,
- Nguyễn Thị Đ,
- Nguyễn Văn T,
- Nguyễn Văn M,
- Nguyễn Thị H,
- Nguyễn Văn S (chết năm 2015, không có vợ con),
- Nguyễn Thị T,
- Nguyễn Văn H,
- Nguyễn Thị H.

Di sản bà T để lại gồm:

- Diện tích đất 2246m^2 thuộc thửa số 808, tờ bản đồ 03, tọa lạc tại ấp Bình T, xã Bình Tr, huyện Châu T, Tiền Giang

- Một căn nhà diện tích khoảng 200m^2. Kết cấu nền gạch, vách tường, mái tôn.

Những người thừa kế của ông Nguyễn Văn S gồm:

- Nguyễn Văn Đ,
- Nguyễn Thị L,
- Nguyễn Văn D,
- Nguyễn Thị Đ,
- Nguyễn Văn T,
- Nguyễn Văn M,
- Nguyễn Thị H,
- Nguyễn Thị T,
- Nguyễn Văn H,
- Nguyễn Thị H.

Ông Nguyễn Văn S có để lại di sản là 2071,7 m^2 đất, thuộc thửa 1279, tờ bản đồ số 3, tọa lạc tại ấp Bình T, xã Bình Tr, huyện Châu T, tỉnh Tiền Giang.

Hiện nay toàn bộ di sản trên là do ông M quản lý.

Nay yêu cầu chia thừa kế theo pháp luật, gộp chung hai khối di sản để chia. Yêu cầu cụ thể là của bà Nguyễn Thị H và 04 người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan Nguyễn Thị Đ, Nguyễn Văn H, Nguyễn Thị T, Nguyễn Thị L đã thống nhất thỏa thuận các phần đất có các vị trí theo sơ đồ đo đạc gồm bà Đa 405,3 m^2 (S1+S2), ông Hiền 405,5 m^2 (S3), bà Hòa 405,4 m^2 (S4), bà Thuận 405,6 m^2 (S5), bà Long 405,3 m^2 (S6+S7).

Nếu được chia thì phần chi phí cải tạo đất, tài sản trên đất đồng ý chia đều làm 05 phần, tài sản gắn liền trên đất của ai người đó sẽ được hưởng vì hiện tại có những tài sản (cây trái,…) nằm trên hai vị trí đất liền kề. Phần giá trị khối lượng cát san lấp thống nhất theo thẩm định định giá, phần cát này là do ông M có được từ nguồn lợi nhuận trên đất nên không đồng ý hoàn trả khi nhận đất.

Đối với căn nhà trước đây bà H yêu cầu chia bằng giá trị. Tại phiên tòa hôm nay không yêu cầu hưởng di sản này. Đồng ý giao cho ông M hưởng thừa kế.

Bị đơn ông Nguyễn Văn M trình bày: Về người để lại di sản, người thừa kế, di sản thừa kế, thời điểm mở thừa kế ông thống nhất với lời trình bày của nguyên đơn.Toàn bộ phần di sản trên ông là người trực tiếp quản lý canh tác từ khi ông trưởng thành cho đến nay và ông là người trực tiếp nuôi dưỡng cha mẹ và ông S (ông S bị bại liệt từ nhỏ). Sau khi cha mẹ và anh ông chết thì ông là người trực tiếp đứng ra tổ chức ma chay, cúng giỗ.

Ngày 12/10/2016 thì những người trong hàng thừa kế có họp mặt. Tại thời điểm họp mặt thì có vắng mặt hai người là bà Nguyễn Thị Đ do sức khỏe kém và bà Nguyễn Thị H bệnh nằm viện (sau buổi họp mặt ông có mang tờ cam kết đến gặp cho bà Đ và bà H ký tên). Theo cam kết thì các bên thỏa thuận phân chia di sản giao toàn bộ hai thửa đất cho ông và ông giao 900.000.000 đồng cho những người trong hàng thừa kế còn lại để phân chia và đã phân chia, ký nhận cụ thể là:

- Nguyễn Văn T nhận 200.000.000 đồng.
- Nguyễn Thị H nhận 100.000.000 đồng.
- Nguyễn Văn H nhận 200.000.000 đồng.
- Nguyễn Thị T nhận 100.000.000 đồng.
- Nguyễn Thị Đ từ chối nhận, do đã có đất của anh Nguyễn Văn S cho trước đó.
- Nguyễn Văn D từ chối nhận do có đất của cha mẹ cho trước đó.
- Nguyễn Thị H nhận 100.000.000 đồng.
- Nguyễn Văn Đ nhận 200.000.000 đồng.
- Nguyễn Thị L trước đó thỏa thuận nhận 100.000.000 đồng. Tại buổi họp mặt xin trao đổi 1000 m^2 đất của ông nhưng chưa thực hiện việc giao nhận đất.

Đối với diện tích đất (S1) là 126,2m^2 hiện nay vợ chồng Nguyễn Thanh T và

Đinh Thị Yến N đang quản lý sử dụng là phần di sản thừa kế, đồng ý tính giá trị để chia, không tranh chấp yêu cầu việc di dời nếu phát sinh tranh chấp sẽ kiện một vụ kiện khác.

Nay yêu cầu thực hiện theo thỏa thuận hoặc đồng ý chia với điều kiện chia bằng giá trị định giá, đồng ý giao giá trị kỷ phần thừa kế còn thiếu, không yêu cầu hoàn trả nếu dư. Yêu cầu được chia kỷ phần nhiều hơn vì ông là người con út nuôi dưỡng trực tiếp cha mẹ với ông Sáu, thờ cúng ông bà, làm đám tang, có công canh tác bảo quản giữ gìn di sản.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có yêu cầu độc lập bà Nguyễn Thị Đ có đại diện theo ủy quyền ông Nguyễn Thành T trình bày như sau: Thống nhất với nội dung trình bày và yêu cầu về việc chia thừa kế tài sản là đất của nguyên đơn, không yêu cầu chia tài sản là căn nhà.

Bà Đ thừa nhận trước đây cha mẹ có cho đất nhưng nay bà vẫn yêu cầu chia thừa kế. Bà thừa nhận có ký vào tờ cam kết.

Bà yêu cầu được nhận phần đất của ông Nguyễn Văn S để lại. Lý do vì hiện nay con ruột bà là anh Nguyễn Thanh T và con dâu là Đinh Thị Yến N đang cất nhà và có một phần nằm trên diện tích đất của ông Nguyễn Văn S. Nay yêu cầu nhận đất và hoàn giá trị tài sản trên đất, chi phí cải tạo đất. Phần giá trị khối lượng cát san lấp là do ông M có được từ nguồn lợi nhuận trên đất nên không đồng ý hoàn trả khi nhận đất.

Tại phiên tòa sơ thẩm, không yêu cầu hưởng di sản là căn nhà, đồng ý giao cho ông Mỹ hưởng thừa kế.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có yêu cầu độc lập bà Nguyễn Thị L trình bày như sau: Thống nhất theo nội dung trình bày của nguyên đơn.

Bà thừa nhận có ký tên vào bản cam kết nhận tiền và bản cam kết về việc chia thừa kế ngày 12/10/2016 và tờ ủy quyền quản lý đất với nội dung là ông M giao cho bà 100.000.000 đồng sau đó thay đổi là ông M giao lại cho bà một công đất nhưng đến nay chưa nhận được tiền, đất nên nay bà yêu cầu chia thừa kế đối với phần đất theo pháp luật. `

Chi phí ông M nuôi dưỡng trực tiếp cha mẹ với ông S, thờ cúng ông bà, ma chai, có công canh tác bảo quản giữ gìn di sản do ông M canh tác trên đất mà có được. Các anh em còn lại cũng có bỏ công sức ra nuôi dưỡng cha mẹ.

Việc họp mặt như lời trình bày của ông M là đúng.Yêu cầu chia tài sản trên đất theo pháp luật như trình bày của bà H.

Nay bà yêu cầu nhận đất và hoàn giá trị tài sản trên đất, chi phí cải tạo đất. Phần giá trị khối lượng cát san lấp là do ông M có được từ nguồn lợi nhuận trên đất nên không đồng ý hoàn trả khi nhận đất.

Tại phiên tòa sơ thẩm không yêu cầu hưởng di sản là căn nhà, đồng ý giao cho ông M hưởng thừa kế.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có yêu cầu độc lập ông Nguễn Văn H có đại diện theo ủy quyền chị Hồ Thị Mỹ H trình bày như sau: Thống nhất theo nội dung trình bày của nguyên đơn.

Thừa nhận ông H có nhận tiền mặt và có ký tên vào bảng phân chia thừa kế và ông H nhận 200.000.000 đồng. Nếu được chia đất thì đồng ý hoàn trả lại số tiền đã nhận.

Đối với giấy ủy quyền quản lý đất do lúc đó đã ký nhận tiền nên ký luôn giấy ủy quyền quản lý đất.

Không đồng ý chia cho ông M kỷ phần nhiều hơn vì ông M đã được cha mẹ cho đất trước đó.

Nay ông H yêu cầu nhận đất và hoàn giá trị tài sản trên đất, chi phí cải tạo đất. Phần giá trị khối lượng cát san lấp là do ông M có được từ nguồn lợi nhuận trên đất nên không đồng ý hoàn trả khi nhận đất.

Đối với căn nhà trước đây ông Hiền yêu cầu chia bằng giá trị. Tại phiên Tòa sơ thẩm không yêu cầu hưởng di sản này, đồng ý giao cho ông M hưởng thừa kế.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có yêu cầu độc lập bà Nguyễn Thị Th có đại diện theo ủy quyền chị Hồ Thị Mỹ H trình bày như sau: Thống nhất theo nội dung trình bày của nguyên đơn.

Thừa nhận có nhận tiền mặt và có ký tên vào bảng phân chia thừa kế và bà T có nhận 100.000.000 đồng. Nếu được chia đất thì đồng ý hoàn trả lại số tiền đã nhận.

Đối với giấy ủy quyền quản lý đất do lúc đó đã ký nhận tiền nên ký luôn giấy ủy quyền quản lý đất.

Không đồng ý chia cho ông M kỷ phần nhiều hơn vì ông M đã được cha mẹ cho đất trước đó.

Nay bà T yêu cầu nhận đất và hoàn giá trị tài sản trên đất, chi phí cải tạo đất. Phần giá trị khối lượng cát san lấp là do ông M có được từ nguồn lợi nhuận trên đất nên không đồng ý hoàn trả khi nhận đất.

Đối với căn nhà trước đây bà T yêu cầu chia bằng giá trị. Tại phiên tòa hôm nay không yêu cầu hưởng di sản này, đồng ý giao cho ông M hưởng thừa kế.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Bà Nguyễn Thị H có ý kiến trình bày như sau: Bà thống nhất với lời trình bày và yêu cầu của ông Nguyễn Văn M. Bà đã được nhận 100.000.000 đồng. Nếu Tòa án có chia thừa kế thì đồng ý giao kỷ phần của bà lại cho ông Nguyễn Văn M.

Yêu cầu chia cho ông M kỷ phần nhiều hơn vì ông là người con út nuôi

dưỡng trực tiếp cha mẹ với ông S, thờ cúng ông bà, ma chai, có công canh tác bảo quản giữ gìn di sản.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Ông Nguyễn Văn D có ý kiến trình bày như sau: Ông thống nhất với lời trình bày và yêu cầu của ông Nguyễn Văn M. Trước đây ông đã được cha mẹ cho đất rồi nên có ký tên vào bản cam kết không nhận thừa kế. Nếu Tòa án có chia thừa kế thì đồng ý giao kỷ phần của ông lại cho ông Nguyễn Văn M.

Yêu cầu chia cho ông M kỷ phần nhiều hơn vì ông là người con út nuôi dưỡng trực tiếp cha mẹ với ông Sá, thờ cúng ông bà, ma chai, có công canh tác bảo quản giữ gìn di sản.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Ông Nguyễn Văn Đ có ý kiến trình bày như sau: Ông thống nhất với lời trình bày và yêu cầu của ông Nguyễn Văn M. Ông đã được nhận 200.000.000 đồng. Nếu Tòa án có chia thừa kế thì đồng ý giao kỷ phần của ông lại cho ông Nguyễn Văn M.

Yêu cầu chia cho ông M kỷ phần nhiều hơn vì ông là người con út nuôi dưỡng trực tiếp cha mẹ với ông S, thờ cúng ông bà, ma chai, có công canh tác bảo quản giữ gìn di sản.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Ông Nguyễn Văn T có ý kiến trình bày như sau: Ông thống nhất với lời trình bày và yêu cầu của ông Nguyễn Văn M. Ông đã được nhận 200.000.000 đồng. Nếu Tòa án có chia thừa kế thì đồng ý giao kỷ phần của ông lại cho ông Nguyễn Văn M.

Yêu cầu chia cho ông M kỷ phần nhiều hơn vì ông là người con út nuôi dưỡng trực tiếp cha mẹ với ông S, thờ cúng ông bà, ma chai, có công canh tác bảo quản giữ gìn di sản.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Bà Đỗ Thị B có ý kiến trình bày như sau: Bà là vợ ông Nguyễn Văn M, Đối với phần di sản là do ông M quản lý, bà có đưa tiền cho ông M tổ chức đám tang và cải tạo đất. Nay bà không tranh chấp và thống nhất cho ông Mỹ sở hữu khối tài sản trên.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Chị Đinh Thị Yến N có ý kiến trình bày như sau: Chị là vợ anh Nguyễn Thanh T và là dâu của bà Nguyễn Thị Đ. Năm 2003 bà ngoại chồng là Lê Thị T và cậu chồng Nguyễn Văn S có cho 01 lô đất cất nhà trên phần đất ông Nguyễn Văn S, ông M có giúp làm giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất với diện tích 168,3m^2.

Năm 2011 ông S có cho thêm 01 phần đất có ông M đồng ý và đã bơm cát, xây hàng rào, làm hành lang nhà. Việc này các cậu, dì đều biết và không ai phản đối.

Năm 2017 mẹ chồng là Nguyễn Thị Đ làm cam kết là không tranh chấp khiếu nại và tạo điều kiện để cho ông M sang tên phần đất của bà Thôi, ông Mẹo và ông S. Đồng thời ông M cam kết sau khi đứng tên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thì sẻ sang tên cho vợ chồng chị phần đất phát sinh.

Đến ngày 11 và 12 tháng 11/2017 ông M gây sự và cho rằng khi được đứng tên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất sẽ không sang tên cho vợ chồng anh chị, do đó bà Đ đã khởi kiện yêu cầu chia thừa kế. Nay yêu cầu Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Anh Nguyễn Thanh T có ý kiến trình bày như sau: Do đi làm ăn xa nên xin giải quyết vắng mặt.

Tại Bản án dân sơ thẩm số 200/2018/DS-ST ngày 09 tháng 8 năm 2018 của Toà án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Tiền Giang đã áp dụng *Căn cứ vào các Điều 609, 611,612, 613, 614, 616, 618, 649, 650, 651, 658, 660, Bộ luật Dân sự;Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội xử:*

Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Nguyễn Thị H. Chấp nhận một phần yêu cầu độc lập của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị T, ông Nguyễn Văn H, bà Nguyễn Thị Đ, bà Nguyễn Thị L về việc chia thừa kế đối với phần di sản của bà Lê Thị T, ông Nguyễn Văn M, ông Nguyễn Văn S.

Ghi nhận sự tự nguyện nhường toàn bộ kỷ phần thừa kế là nhà và đất của người có nghĩa vụ và quyền lợi liên quan ông Nguyễn Văn Đ, ông Nguyễn Văn D, ông Nguyễn Văn T, bà Nguyễn Thị H.

Ghi nhận sự tự nguyện nhường một phần kỷ phần thừa kế là phần căn nhà của người có nghĩa vụ và quyền lợi liên quan bà Nguyễn Thị T, ông Nguyễn Văn H, bà Nguyễn Thị Đ, bà Nguyễn Thị L.

Ghi nhận sự tự nguyện của bị đơn ông Nguyễn Văn M đồng ý chia tiếp bằng giá trị, không yêu cầu hoàn tiền dư đã nhận.

Chia cho bà Nguyễn Thị H, bà Nguyễn Thị T, bà Nguyễn Thị Đ, bà Nguyễn Thị L mỗi người 150.001.200 đồng.

Chia cho ông Nguyễn Văn H 200.000.000 đồng.

Ông Nguyễn Văn M có nghĩa vụ giao tiếp cho bà Nguyễn Thị H 50.001.200 đồng, bà Nguyễn Thị T 50.001.200 đồng, bà Nguyễn Thị Đ 150.001.200, bà Nguyễn Thị L 150.001.200 đồng ngay sau khi án có hiệu lực pháp luật.

Kể từ ngày bà H, bà T, bà L, bà Đ có đơn yêu cầu thi hành án, nếu ông M không trả khoản tiền nêu trên thì hàng tháng ông M còn phải trả thêm khoản tiền

lãi theo mức lãi suất qui định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự tương ứng với thời gian và số tiền chậm thi hành án.

Giao cho ông Nguyễn Văn M hưởng thừa kế các di sản sau:

- 2.254,4 m^2 đất thuộc thửa số 808, tờ bản đồ 03, loại đất thổ + quả,tọa lạc tại ấp Bình T, xã Bình Tr, huyện Châu T, Tiền Giang. Theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 001681.QSDĐ/RT do Ủy ban nhân dân huyện Châu Thành cấp ngày 6/12/1997 đứng tên Lê Thị T. Có tứ cận là:

- Đông giáp thửa đất 1605,

- Tây giáp thửa đất 1279,

- Nam giáp thửa đất 809,

- Bắc giáp đường nhựa.

(Có sơ đồ kèm theo)

- 1.799,8 m^2 đất thuộc thửa 1279, tờ bản đồ số 3, loại đất quả, tọa lạc tại ấp Bình T, xã Bình Tr, huyện Châu T, Tiền Giang. Theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 001677.QSDĐ/RT do Ủy ban nhân dân huyện Châu Thành cấp ngày 6/12/1997 đứng tên Nguyễn Văn S. Có tứ cận là:

- Đông giáp thửa đất 888,

- Tây giáp thửa đất 1606 và đường nước,

- Nam giáp thửa đất 809,

- Bắc giáp đường nhựa.

(Có sơ đồ kèm theo)

- 01 căn nhà có diện tích 135,66m^2 (10,2m x 13,3m). Kết cấu: Cột bê tông đúc sẵn, vách tường, nền xi măng, mái tole tọa lạc trên thửa 808.

Ngoài ra bản án còn tuyên về án phí và quyền kháng cáo của đương sự.

Ngày 16/8/2018, Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị Đ, Nguyễn Thị L, Nguyễn Thị T, Nguyễn Văn H có đơn kháng cáo với nội dung:

Bà Đ, bà L yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang xét xử phúc thẩm chia di sản thừa kế của cụ Lê Thị T và ông Nguyễn Văn S cho bà được hưởng một kỷ phần là diện tích đất 405,3 m^2 thuộc thửa 808 +1279 tờ bản đồ số 03, tọa lạc ấp Bình T, xã Bình Tr, huyện Châu Thành, tỉnh Tiền Giang.

Bà T yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang xét xử phúc thẩm chia di sản thừa kế của cụ Lê Thị T và ông Nguyễn Văn S cho bà được hưởng một kỷ phần là diện tích đất 405, 6 m^2 thuộc thửa 808 +1279 tờ bản đồ số 03, tọa lạc ấp Bình T, xã Bình Tr, huyện Châu Thành, tỉnh Tiền Giang.

Ông Hiền yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang xét xử phúc thẩm chia di sản thừa kế của cụ Lê Thị T và ông Nguyễn Văn S cho bà được hưởng một kỷ

phần là diện tích đất 405, 5 m^2 thuộc thửa 808 +1279 tờ bản đồ số 03, tọa lạc ấp Bình T, xã Bình Tr, huyện Châu T, tỉnh Tiền Giang.

Ngày 20/8/2018, Nguyên đơn bà Nguyễn Thị H có đơn kháng cáo với nội dung: Yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang xét xử phúc thẩm chia di sản thừa kế của cụ Lê Thị T và ông Nguyễn Văn S cho bà được hưởng một kỷ phần là diện tích đất 405, 4 m^2 thuộc thửa 808 +1279 tờ bản đồ số 03, tọa lạc ấp Bình T, xã Bình Tr, huyện Châu T, tỉnh Tiền Giang.

Tại phiên tòa phúc thẩm, nguyên đơn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, những người có liên quan có yêu cầu độc lập giữ giữ nguyên yêu cầu, những người kháng cáo gồm Nguyễn Thị H (nguyên đơn), Nguyễn Thị T, Nguyễn Văn H, Nguyễn Thị L, Nguyễn Thị Đ (là những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan) vẫn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo, yêu cầu được chia dỉ sản thừa kế bằng hiện vật, mỗi người được hưởng khoản 405 m^2 đất là di sản thừa kế. Các đương sự không thỏa thuận với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án.

Ý kiến của luật sư bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho Nguyễn Thị H, Nguyễn Thị T và Nguyễn Văn H trình bày: Bà H khởi kiện yêu cầu chia di sản thừa kế di sản của cụ T và ông S để lại được bị đơn đồng ý và tự nguyện phân chia kỷ phần thừa kế trị giá bằng tiền. Giá trị mỗi kỷ phần được chia bao nhiêu phải căn cứ vào kết quả định giá để chia. Tại phiên tòa phúc thẩm, đại diện ủy quyền của nguyên đơn yêu cầu Hội đồng xét xử cho định giá lại di sản thừa kế, giá trị mỗi kỷ phần khoản 150.000.000đồng cũng thấp hơn giá trị 405m^2, đề nghị Hội đồng xet xử xem xét cho định giá lại tài sản tranh chấp, các đương sự có kháng cáo không thể cung cấp được sự chênh lệch giá.

Ý kiến phát biểu của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tiền Giang: Về tố tụng: Những người tiến hành tố tụng và người tham gia tố tụng chấp hành đúng quy định của pháp luật về tố tụng dân sự tại Tòa án cấp phúc thẩm; Về nội dung vụ án: Cụ T và ông S đã chết không để lại di chúc, hàng thừa kế thứ nhất gồm có: Nguyễn Văn Đ, Nguyễn Thị L, Nguyễn Văn D, Nguyễn Thị Đ, Nguyễn Văn T, Nguyễn Văn M, Nguyễn Thị H, Nguyễn Thị T, Nguyễn Văn H, Nguyễn Thị H. Di sản thừa kế được các đương sự thống nhất trình bày là 02 phần đất và 01 căn nhà. Ngày 12/10/2016, các đồng thừa kế đã làm cam kết ký tên giao toàn bộ di sản thừa kế cho ông M, Ông M có trách nhiệm hoàn trả giá trị bằng tiền cho các đồng thừa kế, sau đó các đồng thừa kế lần lượt nhận tiền hoàn trả từ phía ông M. Cho thấy, các đồng thừa kế không có nhu cầu sử dụng đất. Sau khi nhận đất và hoàn trả tiền thì ông M đã làm hàng rào, bơm cát, cải tạo đất và canh tác đất. Quá trình sử dụng đất thì ông M cũng không có vi phạm các qui định quản lý sử dụng đất. Xét hiện trạng sử dụng đất thì ông M đang quản lý sử dụng nên giao toàn bộ di sản thừa kế cho ông M là phù hợp. Tại phiên tòa phúc thẩm những người kháng cáo cũng

không cung cấp chứng cứ gì mới để chứng minh, đề nghị hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 308 của Bộ luật tố tụng dân sự, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Qua nghiên cứu toàn bộ các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, nội dung yêu cầu kháng cáo của Nguyễn Thị H (nguyên đơn), Nguyễn Thị T, Nguyễn Văn H, Nguyễn Thị L, Nguyễn Thị Đ (là những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan), lời trình bày của các đương sự và kết quả tranh tụng tại phiên tòa phúc thẩm, ý kiến phát biểu của Luật sư và đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tiền Giang.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] *Về tố tụng*: Đối với các đương sự Nguyễn Thị H, Nguyễn Thanh T, Đinh Thị Yến N và Đỗ Thị B có đơn xin xét xử vắng mặt, nên Tòa án tiến hành xét xử vụ án vắng mặt các đương sự theo qui định tại Điều 296 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Tại phiên tòa, những người kháng cáo có yêu cầu định giá lại tài sản tranh chấp. Tuy nhiên, các đương sự không cung cấp được chứng cứ chứng minh kết quả định giá lần đầu không chính xác hoặc không phù hợp với giá thị trường nơi có tài sản định giá tại thời điểm giải quyết vụ án. Cho nên, Hội đồng xét xử không chấp nhận việc yêu cầu định giá lại tài sản tranh chấp của các đương sự theo qui định tại khoản 5 Điều 104 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] *Về nội dung*: Các đương sự cùng trình bày thống nhất cụ Nguyễn Văn M (chết 1989), cụ Lê Thị T (chết 2007) có 11 người con gồm : - Nguyễn Văn Đ, Nguyễn Thị L, Nguyễn Văn D, Nguyễn Thị Đ, Nguyễn Văn T, Nguyễn Văn M, Nguyễn Thị H, Nguyễn Văn S (chết năm 2015, không có vợ con), Nguyễn Thị T, Nguyễn Văn H, Nguyễn Thị H. Khi qua đời thì cụ M, cụ T và ông S không để lại di chúc.

- Di sản của Cụ M và cụ Thôi để lại gồm: Diện tích đất 2.254, 4m^2 (đo đạc thực tế) thuộc thửa số 808, tờ bản đồ 03, tọa lạc tại ấp Bình T, xã Bình Tr, huyện Châu T, Tiền Giang do Ủy ban nhân dân huyện Châu Thành cấp ngày 06/12/1997 mang tên Lê Thị T và Một căn nhà diện tích 135,66m^2. Kết cấu nền gạch, vách tường, mái tôn.

- Di sản do ông S để lại: Diện tích đất 1.799,8m^2 (đo đạc thực tế), tại thửa đất số 1279 , tờ bản đồ số 3, tọa lạc tại ấp Bình T, Xã Bình Tr, huyện Châu T, Tiền Giang do Ủy ban nhân dân huyện Châu Thành cấp ngày 06/12/1997 mang tên Nguyễn Văn S.

Như vậy, các đương sự đã thống nhất được với nhau về di sản thừa kế và hàng thừa kế của cụ M, cụ T, ông S sau khi qua đời, chỉ tranh chấp với nhau về cách phân chia di sản.

[3] Xét đơn kháng cáo của các đương sự Nguyễn Thị H (nguyên đơn), Nguyễn Thị T, Nguyễn Văn H, Nguyễn Thị L, Nguyễn Thị Đ (là những người có

quyền lợi nghĩa vụ liên quan), yêu cầu được nhận di sản thừa kế bằng hiện vật là quyền sử dụng đất, mỗi người được hưởng khoản 405m^2 đất, ngoài ra không kháng cáo vấn đề nào khác. Hội đồng xét xử thấy rằng, nội dung án sơ thẩm đã xác định khối di sản của cụ M, cụ T và Ông S chết để lại chia thành 10 kỷ phần (mỗi kỷ phần trị giá 150.001.200đồng) thừa kế và trích 10% trị giá di sản trước khi phân chia để bù đắp công sức giữ gìn, cải tạo làm tăng giá trị di sản là có căn cứ đúng pháp luật.

-Về cách phân chia di sản: Tòa án cấp sơ thẩm đã chia toàn bộ di sản thừa kế cho ông Nguyễn Văn M, ghi nhận việc ông M thối chia trị giá bằng tiền cho các thừa kế còn lại. Nguyên đơn Nguyễn Thị H, những người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan Nguyễn Thị T, Nguyễn Văn H, Nguyễn Thị L, Nguyễn Thị Đ cùng kháng cáo yêu cầu nhận bằng hiện vật là đất mỗi người 405m^2. Xét thấy, căn cứ vào giấy cam kết lập ngày 12/10/2016 (bút lục 61,62) thì thấy rằng sau khi cụ M, cụ T và Ông S chết thì tất cả 10 anh em ruột của ông M là đồng hàng thừa kế thứ nhất đã lập bản cam kết thỏa thuận với nội dung *"...Nguyên ông Nguyễn Văn S có thửa đất số , tờ bản đồ số 3 ; thửa đất số 1279 diện tích 2.240m^2 và bà lê thị t là mẹ ruột của chúng tôi có thửa đất số 3 , thửa số 808 DT :3.360m^2. Anh em chúng tôi nhất trí Nguyễn Văn M chi số tiền thỏa đáng cho Anh chị em chúng tôi (kể từ ngày hôm nay) để Nguyễn Văn M nhận 02 phần đất nói trên để kiêm nhiệm QSD. Anh Em chúng tôi tạo mọi điều kiện thuận tiện để Nguyễn Văn M có QSDĐ. Anh em chúng tôi không thắc mắc khiếu kiện gì hơn..*" .Cùng ngày thì các bên cũng tiến hành việc giao nhận tiền, cụ thể: Nguyễn Văn T nhận 200.000.000 đồng, Nguyễn Thị H nhận 100.000.000đồng, Nguyễn Văn H nhận 200.000.000đồng, Nguyễn Thị T nhận 100.000.000đồng, Nguyễn Văn D, Nguyễn Thị Đ có ghi chú "có đất rồi không thắc mắc khiếu kiện", Nguyễn Thị H nhận 100.000.000đồng, Nguyễn Văn Đ nhận 200.000.000đồng, Nguyễn Thị L có ghi chú "*đã thỏa thuận trao đổi đất; cam kết không thắc mắc khiếu kiện ở hai thửa đất của bà T và ông S*". Tất cả các anh chị em ruột của ông M đều thống nhất như trên và cùng ký tên. Ông M đã tiến hành giao tiền cho các đồng thừa kế theo nội dung cam kết, việc thỏa thuận này là hoàn toàn tự nguyện phù hợp với qui định tại Điều 681 của Bộ luật dân sự năm 2005, đáng lẽ ra văn bản thỏa thuận này có hiệu lực thi hành. Tuy nhiên, sau khi bà H khởi kiện tranh chấp di sản thừa kế thì ông M (người đang quản lý di sản thừa kế) vẫn tiếp tục đồng ý thối chia trị giá di sản thừa kế theo kết quả định giá là hoàn toàn có lợi cho các đồng thừa kế còn lại. Ngoài ra, ông M là người nuôi dưỡng chăm sóc cụ Mẹo, cụ Thôi và ông S đến cuối đời, tổ chức ma chay và cúng giỗ theo phong tục tập quán địa phương, đồng thời ông M cũng là người cải tạo đầu tư, trồng cây trên toàn bộ 02 phần đất là di sản thừa kế. Cho nên, Tòa án sơ thẩm đã giao toàn bộ di sản thừa kế cho ông M được nhận và hoàn trả giá trị bằng tiền cho các đồng thừa kế còn lại là phù hợp với thực tế, phù hợp

với nội dung văn bản cam kết thỏa thuận ngày 12/10/2016 do các đồng thừa kế cùng xác lập. Cho nên, không có cơ sở chấp nhận yêu cầu kháng cáo của Nguyễn Thị H (nguyên đơn), Nguyễn Thị Th, Nguyễn Văn H, Nguyễn Thị L, Nguyễn Thị Đ (là những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan), giữ nguyên bản án sơ thẩm số 200/2018/DSST ngày 09/8/2018 của Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Tiền Giang theo qui định tại khoản 1 Điều 308 của bộ luật tố tụng dân sự.

[4] Về án phí phúc thẩm: Do không chấp nhận đơn kháng cáo, nên những người kháng cáo phải chịu án phí phúc thẩm theo qui định.

[5] Xét lời đề nghị của luật sư là không phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên không được chấp nhận.

[6]Xét lời đề nghị của vị Đại diện viện kiểm sát là phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ khoản 5 Điều 104, khoản 2 Điều 296, khoản 1 Điều 308 của Bộ luật tố tụng dân sự.

- Căn cứ vào các Điều 609, 611,612, 613, 614, 616, 618, 649, 650, 651, 658, 660và điều 357 Bộ luật Dân sự; Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội .

Xử:

1. Không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của các đương sự Nguyễn Thị H (nguyên đơn), Nguyễn Thị T, Nguyễn Văn H, Nguyễn Thị L, Nguyễn Thị Đ (là những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan), giữ nguyên bản án sơ thẩm số 200/2018/DS-ST ngày 09 tháng 8 năm 2018 của Toà án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Tiền Giang.

2. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Nguyễn Thị H. Chấp nhận một phần yêu cầu độc lập của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị T, ông Nguyễn Văn H, bà Nguyễn Thị Đ và bà Nguyễn Thị L về việc chia thừa kế đối với phần di sản của bà Lê Thị T, ông Nguyễn Văn M, ông Nguyễn Văn S.

- Ghi nhận sự tự nguyện nhường toàn bộ kỷ phần thừa kế là nhà và đất của người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Văn Đ, ông Nguyễn Văn D, ông Nguyễn Văn T, bà Nguyễn Thị H cho ông M được thừa hưởng.

- Ghi nhận sự tự nguyện nhường một phần kỷ phần thừa kế là phần căn nhà của người có nghĩa vụ và quyền lợi liên quan bà Nguyễn Thị T, ông Nguyễn Văn H, bà Nguyễn Thị Đ, bà Nguyễn Thị L.

- Ghi nhận sự tự nguyện của bị đơn ông Nguyễn Văn M đồng ý chia tiếp bằng giá trị, không yêu cầu hoàn tiền dư đã nhận.

-Chia cho bà Nguyễn Thị H, bà Nguyễn Thị T, bà Nguyễn Thị Đ, bà Nguyễn Thị L mỗi người số tiền 150.001.200 đồng.

-Chia cho ông Nguyễn Văn H số tiền 200.000.000 đồng.

Ông Nguyễn Văn M có nghĩa vụ giao tiếp cho bà Nguyễn Thị H 50.001.200 đồng, bà Nguyễn Thị T 50.001.200 đồng, bà Nguyễn Thị Đ 150.001.200 đồng và bà Nguyễn Thị L 150.001.200 đồng ngay sau khi án có hiệu lực pháp luật.

Kể từ ngày bà H, bà T, bà L, bà Đ có đơn yêu cầu thi hành án, nếu ông M chậm trả khoản tiền nêu trên thì hàng tháng ông M còn phải trả thêm khoản tiền lãi theo mức lãi suất qui định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự tương ứng với thời gian và số tiền chậm thi hành án.

3. Giao cho ông Nguyễn Văn M hưởng thừa kế các di sản sau:

- Phần đất 2.254,4 m^2 thuộc thửa số 808, tờ bản đồ 03, loại đất thổ + quả,tọa lạc tại ấp Bình T, xã Bình Tr, huyện Châu Th, Tiền Giang. Theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 001681.QSDĐ/RT do Ủy ban nhân dân huyện Châu Thành cấp ngày 6/12/1997 đứng tên Lê Thị T. Có tứ cận là:

- Đông giáp thửa đất 1605,

- Tây giáp thửa đất 1279,

- Nam giáp thửa đất 809,

- Bắc giáp đường nhựa.

(Có sơ đồ kèm theo)

- Phần đất 1.799,8 m^2 đất thuộc thửa 1279, tờ bản đồ số 3, loại đất quả, tọa lạc tại ấp Bình T, xã Bình Tr, huyện Châu T, Tiền Giang. Theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 001677.QSDĐ/RT do Ủy ban nhân dân huyện Châu Thành cấp ngày 6/12/1997 đứng tên Nguyễn Văn S. Có tứ cận là:

- Đông giáp thửa đất 888,

- Tây giáp thửa đất 1606 và đường nước,

- Nam giáp thửa đất 809,

- Bắc giáp đường nhựa.

(Có sơ đồ kèm theo)

- 01 căn nhà có diện tích 135,66m^2 (10,2m x 13,3m). Kết cấu: Cột bê tông đúc sẳn, vách tường, nền xi măng, mái tole tọa lạc trên thửa 808.

4.Về án phí

-Về án phí dân sự phúc thẩm :Các đương sự Nguyễn Thị H (nguyên đơn), Nguyễn Thị T, Nguyễn Văn H, Nguyễn Thị L, Nguyễn Thị Đ (là những người có

quyền lợi nghĩa vụ liên quan) mỗi người phải chịu 300.000đồng án phí dân sự phúc thẩm , được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí phúc thẩm do các đương sự đã nộp theo biên lai thu số 0008714, 0008711, 0008712, 0008710,0008713 cùng ngày 20/8/2018 của Chi cục thi hành án dân sự Huyện Châu Thành, tỉnh Tiền Giang xem như thi hành xong án phí dân sự phúc thẩm.

-Về án phí dân sự sơ thẩm :

+ Bà H phải chịu 7.500.060đồng án phí dân sự sơ thẩm, được khấu trừ vào số tiền 1.500.000đồng tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 26444 ngày 17/10/2017 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Châu thành nên phải nộp tiếp số tiền 6.000.060đồng.

+Bà Đ phải chịu 7.500.060đồng án phí dân sự sơ thẩm, được khấu trừ vào số tiền 1.375.000đồng tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0008122 ngày 16/4/2018 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Châu thành nên phải nộp tiếp số tiền 6.125.060 đồng.

+ Bà T phải chịu 7.500.060 đồng án phí dân sự sơ thẩm, được khấu trừ vào số tiền 1.500.000đồng tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0008121 ngày 16/4/2018 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Châu thành nên phải nộp tiếp số tiền 6.000.060đồng.

+ Bà L phải chịu 7.500.060 đồng án phí dân sự sơ thẩm, được khấu trừ vào số tiền 1.375.000đồng tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0008123 ngày 16/4/2018 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Châu thành nên phải nộp tiếp số tiền 6.125.060đồng.

+ Ông H phải chịu 10.000.000đồng án phí dân sự sơ thẩm, được khấu trừ vào số tiền 1.500.000đồng tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0008120 ngày 16/4/2018 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Châu thành nên phải nộp tiếp số tiền 8.500.000đồng.

+ Ông M phải chịu 35.929.777 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Tuyên án công khai lúc 08 giờ 30 phút ngày 18 tháng 02 năm 2019.

Nơi nhận:
- Tòa án nhân dân cấp cao tại TP.HCM;
- Viện kiểm sát ND tỉnh TG;
- TAND huyện Châu Thành;
- Chi cục THADS huyện Châu Thành;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ, án văn.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA